

Bản án số: **36/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 10 - 7 - 2019
“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phước Như Ý

Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Nguỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Peter T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Hoa Kỳ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị L đề ngày 21/01/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2014, chị Huỳnh Thị L và anh Trần Peter T được người quen giới thiệu nên quen biết và tìm hiểu nhau qua điện thoại và mạng xã hội. Tháng 01 năm 2015, anh T về Việt Nam tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2015. Sau đó anh T về Hoa Kỳ để làm thủ tục bảo

lãnh chị L sang Mỹ, thời gian này hai anh chị vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại và mạng Facebook. Đến tháng 01 năm 2017, thì anh T về nước thăm chị L khoảng gần 01 tháng rồi trở về Hoa kỳ. Từ đó, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và mạng Facebook. Tuy nhiên, do việc hoàn tất hồ sơ để bảo lãnh chị L đoàn tụ vợ chồng không thực hiện được, cả hai đều nảy sinh mâu thuẫn, không còn thường xuyên nói chuyện với nhau nên chị L thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến bây giờ thì cả hai không còn yêu thương nhau nữa nên chị L xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Peter T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu anh trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị L xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà chị L đề nghị Tòa án sao gửi cho anh T. Vào ngày 31/5/2019, chị L nhận được thư của anh T gửi về theo địa chỉ của chị L do bưu điện chuyển đến. Nội dung thư đề gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xác nhận việc anh T đã nhận được các văn bản do Tòa án gửi và đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L đồng thời xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án, thư được viết bằng 02 thứ tiếng gồm 01 bản tiếng Anh và 01 bản tiếng Việt, thư có đóng dấu xác nhận của Công chứng viên bang M. Chị Huỳnh Thị L cam đoan xác nhận chữ viết trên bì thư và chữ ký trong thư đề tên anh Trần Peter T gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề ngày 23/4/2019 đúng là chữ viết và chữ ký của anh Trần Peter T.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xét bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Peter T.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Trần Peter T và chị Huỳnh Thị L kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có

tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh T trở về Hoa Kỳ. Anh T đã làm thủ tục bảo lãnh cho chị L sang Hoa Kỳ để đoàn tụ nhưng không có kết quả nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Do cả hai sống xa nhau, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Xét thấy, hiện nay chị L và T mỗi người sống một nơi, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Trần Peter T cũng đã hồi đáp thư cho Tòa án về việc đồng ý ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Trần Peter T đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Trần Peter T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Peter T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 005503 ngày 04/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Peter T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu HCTP.

Nguyễn Thị Kim Trọng